

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa chỉ: 109 Bà Hom, Phường 13, Quận 6

Điện thoại: 38752155 – 38751027

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo					Dưới TCCN	Ghi chú
			Tuyển dụng trước Nghị định 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	DH	CD	TCCN		
A.	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên										
I	Giáo viên	19	19			1	17	1			
II	Cán bộ quản lý	3	3								
1	Hiệu trưởng	1				1					
2	Phó Hiệu trưởng	2				1	1				
III	Nhân viên	12									
1	Nhân viên Văn thư	1		1			1				
2	Nhân viên Kế toán	1		1			1				
3	Thủ quỹ	Kiểm nhiệm									
4	Nhân viên y tế	1		1				1			
5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên bảo vệ	2		2					2		
7	Nhân viên cấp dưỡng	3		3					3		
8	Nhân viên khác	4		4				2	2		
B. Nội dung khác:											
Đơn vị tính: người											
1	Các khóa học về chăm sóc, giáo dục trẻ em đã được đào tạo, bồi dưỡng và số người tham gia				22						
2	Bình quân số trẻ Nhà trẻ/Giáo viên				13.3 trẻ/ GV						
3	Bình quân số trẻ Mẫu giáo/Giáo viên				18.8 trẻ/GV						
4	Bình quân số cô bảo mẫu/lớp										
5	Bình quân số cô bảo mẫu/trẻ										

Thủ trưởng đơn vị

[Signature]

Lê Thị Ngân Hương

Địa chỉ: 109 Bà Hom, P.13, Q.6

Điện thoại: 38752155 – 38751027

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m2/trẻ em
I	Tổng số phòng	17	
II	Loại phòng học	09	-
1	Phòng học kiên cố	09	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m2)	1755 m ²	5.81
V	Tổng diện tích sân chơi (m2)	918.49 m ²	3.04
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	802	1.89
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m2)	522 m ²	1.72 m ²
2	Diện tích phòng chức năng		
	+ Thư viện		
	+ Thờ dục		
	+ Âm nhạc	77	0.18
	+ Vật lý trị liệu		
	+ Phòng chức năng khác: Y tế- phòng cách ly	2	
3	Diện tích phòng ngủ (m2)	522 m ²	Sử dụng chung phòng sinh hoạt
4	Diện tích sân chơi (m2)	183 m ²	0.43
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m2) (bếp ăn một chiều)	85 m ²	0.28
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18 bộ	Số bộ/nhóm (lớp) 02/lớp
VIII	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số ...)	09 máy vi tính 01 máy chiếu 01 bảng tương tác	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	TV	09	1 /1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghita, trống)	02 Đàn ORgan	
3	Máy photo	01	
4	Cassette	01	
5	Đầu Video / đầu đĩa	01	
6	Thiết bị khác	01	
7	Đồ chơi ngoài trời	36	
8	Bàn ghế đúng quy cách	168 bộ	



9	Thiết bị khác ...					
..						
					Số lượng (m ²)	
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dành cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06		49.73m ²		0.16m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
					Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				X	
XIII	Kết nối Internet (ADSL)				X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				X	
XV	Tường rào xây				X	
...	...					

Hiệu trưởng



Lê Thị Ngân Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG MẦM NON RANG ĐÔNG 13

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Địa chỉ: 109 Bà Hom P13 Q6

Điện thoại: 38752155 – 38751027

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 – 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6 – 12 tháng tuổi	13 – 24 tháng tuổi	25 – 36 tháng tuổi	3 – 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	302			40 bé	80 bé	87 bé	95 bé
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ ngày	302			40 bé	80 bé	87 bé	95 bé
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	302			40 bé	80 bé	87 bé	95 bé
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	302			40 bé	80 bé	87 bé	95 bé
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	302			40 bé	80 bé	87 bé	95 bé
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	Kênh A 350 SDD: 2 TCBP: 78			K A: 31 SDD: 2 TCBP: 7	K A: 64 SDD: 3 TCBP: 13	K A: 66 SDD: 4 TCBP: 17	K A: 64 SDD: 0 TCBP: 31
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	302			40 bé	80 bé	87 bé	95 bé
1	Đối với nhà trẻ				40 bé			
2	Đối với mẫu giáo					80 bé	87 bé	95 bé
VII	Đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch xây dựng CSGD đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian							

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Ngân Hương

Địa chỉ: 109 Bà Hom P13 Q6

Điện thoại: 38752155 – 38751027

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 – 2022

ST T	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe, về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	1. Thể chất: 95% đạt yêu cầu 2. Nhận thức: 95% đạt yêu cầu 3. Ngôn ngữ: 93% đạt yêu cầu 4. Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 95% đạt yêu cầu	 1. Thể chất: 98% đạt yêu cầu 2. Nhận thức: 95% đạt yêu cầu 3. Ngôn ngữ: 93% đạt yêu cầu 4. Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 95% đạt yêu cầu 5. Thẩm mỹ: đạt yêu cầu Các nội dung khác: - Sự kiện: ✓ Lễ hội Giỗ tổ Hùng Vương ✓ Biển đảo Trường Sa ✓ Ô nhiễm môi trường ✓ An toàn thực phẩm ✓ Tiên bé 5 tuổi ra trường ✓ Tổng kết năm học - Kết quả: Trẻ 5 tuổi đạt chuẩn của năm học trước: 98%
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ: Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDD-	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non: Ban hành theo Thông tư số 51/2020/TT – BGDDT ngày 31/12/2020	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non: Ban hành theo Thông tư số 51/2020/TT – BGDDT ngày 31/12/2020
III	Các điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục;	- Khẩu phần dinh dưỡng: 60-70% - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Tổ chức ăn sáng cho trẻ - Theo dõi sức khỏe trẻ ❖ KSK: Với trẻ em: 2 lần/năm	Khẩu phần dinh dưỡng: 55 - 60% - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Tổ chức ăn sáng cho trẻ - Theo dõi sức khỏe trẻ ❖ KSK: Với trẻ em: 1 lần/năm ❖ Với giáo viên: 1 lần/năm + Tẩy giun: 1 lần 1/năm

		❖ Với giáo viên: 1 lần/năm + Tây giun: 2 lần 1/năm - Kết quả nuôi dưỡng: + Tỷ lệ giảm SDD so với năm học trước: - SDD cân nặng: 100% - Kế hoạch phần đầu: 100% - SDD chiều cao: 88.8% - Kế hoạch phần đầu: 100% - Tỷ lệ giảm DC - BP so với năm học trước là: 40.7% - Kế hoạch phần đầu: 40%
		- Kết quả nuôi dưỡng: + Tỷ lệ giảm SDD so với năm học trước: - SDD cân nặng: 100% - Kế hoạch phần đầu: 100% - SDD chiều cao: 88.8% - Kế hoạch phần đầu: 100% - Tỷ lệ giảm DC - BP so với năm học trước là: 40.7% - Kế hoạch phần đầu: 40%



Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Ngân Hương